

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **180/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 13-9-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Đăng

Ông Huỳnh Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dư Thị T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đoàn Tấn K, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp E, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Dư Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dư Thị T và anh Đoàn Tấn K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hằng ngày và trong tính toán làm ăn; vợ chồng không tôn trọng, nhường nhịn nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T và anh K có 01 người con chung tên Đoàn Tấn S (nam), sinh ngày 31-01-2011, hiện nay đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đoàn Tấn K trình bày:

Anh K thống nhất với lời trình bày của chị T về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh K đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đoàn Tấn S, hiện nay đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, anh K đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12-9-2023, nguyên đơn chị Dư Thị T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn anh Đoàn Tấn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dư Thị T và anh Đoàn Tấn K tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010. Tuy chị T và anh K xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị Dư Thị T và anh Đoàn Tấn K thống nhất thỏa thuận giao con chung là Đoàn Tấn S cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Sự thỏa thuận của anh K và chị T phù hợp với ý chí, nguyện vọng của con chung Đoàn Tấn S nên được chấp nhận. Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T và anh K không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Dư Thị T và anh Đoàn Tấn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Tấn S (nam), sinh ngày 31-01-2011 cho anh Đoàn Tấn K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đoàn Tấn S đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Dư Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dư Thị T và anh Đoàn Tấn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Dư Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 12 tháng 7 năm 2023, chị Dư Thị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0011330 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Dư Thị T và anh Đoàn Tấn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út

